

# TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011 - 2013

NGÔ VĂN VŨ\*  
BÙI MINH HỒNG\*\*

**Tóm tắt:** Tăng trưởng kinh tế là một trong những mục tiêu đầu tiên của Đại hội lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam và Kế hoạch 5 năm 2011 - 2015. Trong giai đoạn 2011 - 2013, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam có một số điểm tích cực, nhưng vẫn còn những hạn chế. Bài viết đánh giá tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2011 - 2013; đưa ra những giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

**Từ khóa:** Tăng trưởng kinh tế, kế hoạch 5 năm, phát triển kinh tế, dự báo kinh tế.

## 1. Những điểm tích cực và hạn chế trong tăng trưởng kinh tế

Mục tiêu Kế hoạch 5 năm 2011 - 2015 là duy trì mức tăng trưởng kinh tế từ 7 - 7,5% (sau đó Quốc hội đã điều chỉnh giảm xuống còn 6,5 - 7%). Tuy chỉ tiêu tăng trưởng này đã thấp hơn so với Kế hoạch 5 năm trước (7,5 - 8%), nhưng thực tế tăng trưởng kinh tế trong 3 năm 2011 - 2013 vẫn không đạt kế hoạch đề ra.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế đã chậm lại từ năm 2011: năm 2010 tăng 6,42%, năm 2011 tăng 6,24%, năm 2012 tăng 5,25% và năm 2013 tăng 5,4%.

Bình quân giai đoạn 2011 - 2013 tăng trưởng kinh tế đạt 5,6%/năm, thấp xa so với mục tiêu đề ra và cũng thấp hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2001 - 2010 (6,32%).

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân

giai đoạn 2011 - 2013 của Việt Nam là mức thấp nhất trong 13 năm qua. Trong khi tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam chậm lại thì một số nước trong ASAN đã có sự cải thiện rõ rệt.

Tăng trưởng của khu vực công nghiệp và xây dựng suy giảm nhanh chóng và thấp hơn nhiều so với kế hoạch. Những vấn đề đang nổi cộm trong nền kinh tế chưa được giải quyết tận gốc như: lãi suất cao, tiếp cận vốn còn nhiều khó khăn, nợ xấu và hàng tồn kho lớn, khả năng tiếp cận thị trường và tiêu thụ sản phẩm suy giảm, thị trường bất động sản đóng băng chưa tìm được lối ra... Điều này đã làm cho hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành công

---

(\*) Tiến sĩ, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam.

(\*\*) Thạc sĩ, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

nghiệp và xây dựng đình trệ, thu hẹp sản xuất, thậm chí phá sản. Theo đánh giá của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2012 có 54.216 doanh nghiệp phải giải thể, tạm ngừng hoạt động; năm 2013 có 60.700 doanh nghiệp ngừng hoặc tạm ngừng hoạt động. Trong đó có cả doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Tỷ lệ doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động tăng cao là doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, doanh nghiệp kinh doanh bất động sản và doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng. Trong khi đó, số doanh nghiệp hoạt động trở lại hoặc đăng ký mới không nhiều.

Mặc dù Việt Nam không đạt được mục tiêu đề ra, nhưng tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2011 - 2013 có một số tích cực:

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân đầu người tính bằng USD theo tỷ giá hối đoái thực tế vượt mục tiêu đề ra (năm 2013 đạt 1.960 USD/người).

- Tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ cao nhất 6,34%; ngành nông nghiệp tăng 3% và công nghiệp xây dựng tăng 5,7%.

- Tăng trưởng kinh tế cần ít vốn đầu tư hơn. Giai đoạn 2006 - 2010, tăng trưởng kinh tế bình quân cần nhiều vốn đầu tư thì từ năm 2011 đến nay cần ít vốn đầu tư hơn. Tỷ lệ vốn đầu tư/GDP bình quân giai đoạn 2006 - 2010 là 39,2% thì giai đoạn 2011 - 2013 giảm còn 31,1%, thấp xa so với mục tiêu đặt ra.

- Tăng trưởng kinh tế đạt được khi tăng trưởng dư nợ tín dụng bình quân thấp 11% so với 33% giai đoạn 2006 - 2010.

- Tăng trưởng kinh tế có sự đóng góp quan trọng của xuất khẩu với tốc độ tăng trưởng cao hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng kinh tế và trở thành động lực của tăng trưởng kinh tế.

## **2. Những nhân tố tác động đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam**

### **2.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới giảm sút**

Tính đến năm 2013, sau 5 năm khủng hoảng tài chính thế giới, nền kinh tế thế giới vẫn đang phục hồi chậm chạp, thiếu bền vững với nhiều rủi ro tiềm ẩn. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), tăng trưởng kinh tế thế giới tiếp tục suy giảm, năm 2013 chỉ đạt 2,9%, thấp hơn 0,3% so với mức tăng trưởng 3,2% năm 2012; thấp hơn 1% so với mức tăng trưởng 3,9% năm 2011 và 2,3% so với mức tăng 5,2% năm 2010.

Tại các nền kinh tế phát triển, tăng trưởng kinh tế thấp, với mức tăng 1,2% năm 2013 thấp hơn so với mức tăng trưởng 1,5% năm 2012, mức 1,7% năm 2011 và 3% năm 2010. Nền kinh tế của Mỹ có khởi sắc hơn do có sự điều chỉnh chính sách kích thích tiền tệ, nhưng mức tăng trưởng vẫn giảm từ 2,8% năm 2012 xuống còn 1,6% năm 2013. Ở Nhật Bản, Chính phủ thực hiện chính sách nới lỏng tiền tệ quy mô lớn đã giúp nền kinh tế

chuyên biến khả quan, duy trì mức tăng trưởng 2%. Trong khi đó, kinh tế của các nước Liên minh Châu Âu (EU) đầy ảm đạm, mức tăng trưởng giảm từ mức 0,3% năm 2012 xuống còn 0,0% năm 2013. Cộng hòa Liên bang Đức, nước đầu tàu về kinh tế của EU và động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Khu vực đồng tiền chung Châu Âu (Eurozone), cũng chỉ đạt mức 0,5% năm 2013, thấp hơn mức tăng trưởng 0,9% năm 2012. Pháp tăng trưởng đạt 0,2% năm 2013 cao hơn mức tăng trưởng 0,0% năm 2012. Tây Ban Nha đã từng bước thoát khỏi suy thoái kinh tế với mức tăng trưởng kinh tế đạt 1,3% năm 2013 và mức tăng trưởng 1,6% năm 2012.

Các nước đang phát triển tăng trưởng kinh tế cũng giảm đáng kể. Tốc độ tăng trưởng GDP của các nước đang phát triển đã giảm mạnh từ mức tăng 7,5% năm 2010, xuống còn 4,5% năm 2013. Tại Trung Quốc, tăng trưởng GDP đạt 7,6% năm 2013, mức thấp nhất trong 15 năm qua do các nhà hoạch định chính sách đang kiểm chế các biện pháp kích thích tăng trưởng nhằm ổn định tài chính và tái cân bằng cung cầu trong nước. Nền kinh tế Ấn Độ gặp nhiều khó khăn, tăng trưởng kinh tế bị chậm lại, chỉ đạt mức 3,8% năm 2013, thấp hơn so với mức tăng trưởng 6,3% năm 2011. Các nước Đông Nam Á tiếp tục là động lực tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Theo Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), các nền kinh tế Đông Nam Á đang vươn

lên trở thành bộ phận quan trọng trong chuỗi sản xuất và thương mại toàn cầu. Tăng trưởng kinh tế của các nước Đông Nam Á năm 2013 đạt 5,5%. Các nước Châu Mỹ Latinh sụt giảm tăng trưởng kinh tế do bị ảnh hưởng chính yếu từ sự suy giảm của kinh tế Trung Quốc. Trung Quốc là quốc gia trở thành một trong thị trường xuất khẩu lớn nhất của các nước Châu Mỹ Latinh. Các nước Châu Mỹ Latinh năm 2013 chỉ tăng trưởng 2,7%, năm 2012 là 2,9% và thấp xa so với mức 4,5% năm 2011.

Sụt giảm thương mại toàn cầu cũng thể hiện rõ nét trong năm 2012. Mức tăng trưởng toàn cầu bình quân trong 10 năm (2001 - 2011) là 6%/năm, trong khi năm 2012 chỉ tăng không đầy 4%. Kinh tế thế giới suy giảm đã gây tác động lớn đến kinh tế các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

## ***2.2. Tư duy chiến lược phát triển kinh tế thiếu nhất quán***

Việt Nam đang trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Quá trình đổi mới tư duy được bắt đầu từ Đại hội Đảng lần thứ VI (năm 1986), tuy nhiên, đến nay, tư duy chiến lược phát triển kinh tế chưa thực sự nhất quán. Về mặt lý luận đang đặt ra những vấn đề cần được giải quyết đó là quyền sở hữu, quản lý nguồn lực đất nước, tài sản của nhân dân. Sự thiếu nhất quán trong tư duy phát triển kinh còn thể hiện ở những chiến lược, quy hoạch phát triển ngành, vùng kinh tế phi

thực tế, không có lộ trình rõ ràng, hướng tới tầm nhìn quốc gia. Nhiều chính sách dàn trải, đa mục tiêu như chính sách phát triển “vùng động lực”, vùng kinh tế trọng điểm. Cơ chế quản lý chưa thực sự công khai, minh bạch và có hiệu quả.

### **2.3. Chất lượng nguồn nhân lực chưa cao**

Nguồn nhân lực có những đóng góp không nhỏ vào việc thúc đẩy kinh tế của Việt Nam, với quy mô dân số lớn, dồi dào, kết cấu dân số trẻ và bắt đầu bước vào thời kỳ "cơ cấu dân số vàng". Hiện nay, dân số Việt Nam là 90 triệu người, trong đó nữ chiếm 50,48%. Dân số trong độ tuổi lao động là 57,08 triệu (chiếm 66,35% tổng dân số). Tốc độ tăng dân số trong độ tuổi lao động cao gần gấp đôi so với tốc độ tăng dân số nói chung (2,12% so với 1,1%). Bước vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011- 2015, lực lượng lao động vẫn tiếp tục tăng nhanh, năm 2012 tăng thêm 1,2 triệu lao động tương đương 2,2% so với năm 2011. Đóng góp của nguồn nhân lực vào tăng trưởng GDP giai đoạn 1991 - 2000 là 28,6%, giai đoạn 2001 - 2012 là 21,3%.

Tuy chất lượng lao động ngày càng tăng, nhưng tỷ lệ lao động đã qua đào tạo, có trình độ cao của Việt Nam thấp và có sự chênh lệch lớn giữa thành thị và nông thôn. Năm 2011, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo là 43%, năm 2012 là 46% và năm 2013 là 49%. Trong bối cảnh theo đuổi mô hình tăng trưởng

kinh tế theo chiều sâu dựa vào hiệu quả nguồn vốn và chất lượng nguồn nhân lực, sự gia tăng của nguồn nhân lực qua đào tạo là nhân tố mang tính quyết định.

### **2.4. Đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) vào GDP thấp**

Đóng góp của yếu tố TFP vào tăng trưởng kinh tế của Việt Nam còn thấp và có xu hướng giảm sút nhanh trong giai đoạn 2001 - 2012. Thời kỳ 1991 - 2000, tăng trưởng GDP do yếu tố TFP là 36,7%; đến giai đoạn 2001 - 2012 là 26%. Nhìn chung, đóng góp của TFP vào tăng trưởng của Việt Nam thấp hơn nhiều so với con số 35 - 40% của một số nước và lãnh thổ trong khu vực, cụ thể là Hàn Quốc: 32,2%; Đài Loan: 35%; Ấn Độ: 28%; Thái Lan: 36%. Năng suất lao động của Việt Nam thấp so với các nước trên thế giới do trình độ kỹ thuật, công nghệ thấp, công tác quản lý còn nhiều hạn chế, sản xuất phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp.

### **3. Giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam**

Theo đánh giá của các cơ quan nghiên cứu kinh tế trên toàn thế giới, mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng năm 2014, kinh tế thế giới sẽ phục hồi tăng trưởng với tốc độ tăng GDP đạt 3,6%, cao hơn 0,7% so với mức tăng 2,9% năm 2013. Nguyên nhân chủ yếu là do sự phục hồi tăng trưởng kinh tế tại các nước phát triển, đặc biệt ở Châu Âu và Mỹ sẽ thúc đẩy xuất khẩu, đầu tư

quốc tế. Theo Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu do Conference Board - tổ chức nghiên cứu hàng đầu của Mỹ, nền kinh tế thế giới sẽ phục hồi tăng trưởng trong năm 2014 bất chấp sự giảm tốc của kinh tế Trung Quốc. Ba trung tâm kinh tế lớn trên thế giới Mỹ, EU và Nhật Bản đều phục hồi tăng trưởng kinh tế sẽ tác động lan tỏa tích cực tới các nền kinh tế khác trên thế giới. Theo đó, các nước đang phát triển và mới nổi sẽ có mức tăng trưởng kinh tế cao hơn, nhờ nhu cầu tăng lên từ các nước phát triển. Những căng thẳng về tài chính quốc tế đã giảm bớt và chu kỳ kinh tế toàn cầu trong xu hướng tăng lên sẽ thúc đẩy tăng trưởng tại nhiều thị trường mới nổi.

Liên kết kinh tế quốc tế, đặc biệt là liên kết trong khu vực Châu Á nói chung, các nước ASEAN nói riêng, tiếp tục chuyển biến sâu sắc theo hướng vừa tăng cường hợp tác, vừa cạnh tranh thông qua những hiệp định thương mại tự do. Hội nghị Thượng đỉnh Diễn đàn Hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) lần thứ 21 tại Bali (Indônêxia) tháng 10 năm 2013 được xem là “chất xúc tác” thúc đẩy phát triển hợp tác thương mại khu vực và toàn cầu, tạo lực đẩy cho kinh tế thế giới.

Kinh tế thế giới phục hồi tăng trưởng góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế các nước và khu vực. Ở Việt Nam, kinh tế vĩ mô đã có dấu hiệu ổn định, phục hồi nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế còn thấp.

Để đạt các mục tiêu tăng trưởng kinh tế của hai năm còn lại của Kế hoạch 5 năm 2011 - 2015, Việt Nam cần thực hiện tốt các giải pháp sau đây:

*Thứ nhất, tiếp tục đổi mới tư duy kinh tế*

Sau gần 30 năm tiến hành đổi mới, Việt Nam đã xóa bỏ được cơ chế kế hoạch hóa tập trung, chuyển sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, đến nay, Việt Nam vẫn đang phải đối mặt với những khó khăn, trở ngại của tư duy, quan điểm cũ vốn đã ăn sâu trong tâm trí của nhiều người dân. Chẳng hạn, các vấn đề về sở hữu, về thành phần kinh tế, đặc biệt về vai trò của thành phần kinh tế nhà nước và doanh nghiệp nhà nước, chưa được làm rõ và chưa có sự đồng thuận. Hệ lụy tất yếu là các điểm nghẽn phát triển ngày càng chặt hơn và trở nên khó gỡ hơn. Trên thực tế nhiều năm qua, tình trạng các chủ thể kinh tế hoạt động trong một môi trường cạnh tranh thiếu bình đẳng tồn tại dai dẳng. Việc ban hành Luật Doanh nghiệp (năm 2005) và Luật Đầu tư (năm 2005) hướng tới tạo lập môi trường pháp lý bình đẳng trong hoạt động kinh doanh và đầu tư của các chủ thể kinh tế. Tuy nhiên, đến nay sau hơn 8 năm các đạo luật này có hiệu lực thi hành, vẫn chỉ là mong muốn chưa dễ thực hiện sự phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp.

Vì vậy, Việt Nam cần phải có sự đổi mới tư duy đột phá, tạo tiền đề thực hiện

có hiệu quả các trọng tâm của ba khâu đột phá chiến lược giai đoạn 2011 - 2020, bao gồm: (i) hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (ii) phát triển nguồn nhân lực và (iii) xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ. Thực hiện “chiến lược” của ba khâu đột phá này có hiệu quả sẽ làm chuyển động mạnh mẽ toàn bộ tình hình kinh tế-xã hội của đất nước theo hướng đã định.

*Thứ hai, đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng chất lượng và hiệu quả gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng*

Tái cơ cấu nền kinh tế cần tập trung ưu tiên cho 3 lĩnh vực quan trọng theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3, khóa XI của Đảng, đó là: tái cơ cấu đầu tư, trọng tâm là đầu tư công; tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn và tổng công ty nhà nước; tái cơ cấu hệ thống tài chính, trọng tâm là hệ thống ngân hàng thương mại. Theo đó, phải có những biện pháp hữu hiệu để kích cầu cho nền kinh tế.

Về tái cơ cấu đầu tư, Chính phủ nhanh chóng hoàn thiện Luật Đầu tư công; chỉ đạo các Bộ, ngành, cơ quan, địa phương tiếp tục thực hiện các kế hoạch đầu tư công một cách có hiệu quả, khắc phục đầu tư dàn trải, lãng phí; đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra đảm bảo quản lý thống nhất. Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát đưa ra những công trình trọng điểm, cấp thiết cần ưu tiên, vốn đối ứng

cho các dự án hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn giải phóng mặt bằng, xây dựng nông thôn mới để đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và trái phiếu chính phủ.

Về tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước (DNNN), Chính phủ đã phê duyệt Đề án tái cơ cấu DNNN đến năm 2015, do vậy các Bộ, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao cần triển khai thực hiện nghiêm túc theo đề án này, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu các tập đoàn, tổng công ty, DNNN. Chính phủ cần định hướng đến năm 2015, đóng góp của khu vực DNNN vào GDP chỉ ở mức 15 - 18% và xuống dưới mức 10% vào năm 2020 như hầu hết các nước trên thế giới. Bên cạnh đó, Chính phủ cần hỗ trợ các doanh nghiệp có khả năng phát triển một phần từ ngân sách nhà nước dưới các hình thức xóa nợ, khoan nợ, giãn nợ, chuyển nợ và bổ sung vốn. Vấn đề quan trọng là cần công khai minh bạch trong quá trình xử lý nợ. Chính phủ và các Bộ, ngành đẩy mạnh xúc tiến thương mại tạo điều kiện cho các doanh nghiệp củng cố và mở rộng thị trường trong và ngoài nước để giải quyết hàng tồn kho, tiêu thụ hàng hóa, có vốn trả nợ và để tiếp tục mở rộng sản xuất kinh doanh.

Về tái cơ cấu hệ thống tài chính, Bộ Tài chính cần chủ trì phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, cơ quan, địa phương thực hiện đồng bộ các giải pháp theo đề án tái cấu trúc ngân

hàng, thị trường chứng khoán; đồng thời, khẩn trương nghiên cứu, hoàn thiện môi trường pháp lý nhằm thúc đẩy phát triển thị trường tài chính lành mạnh, an toàn. Các ngân hàng cần rà soát kỹ việc phân loại nợ xấu cho chính xác, có giải pháp để tiếp tục cho vay đối với các doanh nghiệp có khả năng tiếp tục phát triển; nắm thật chính xác các thông tin về khách hàng và phải thực sự nâng cao chất lượng đạo đức nghề nghiệp của các cán bộ ngân hàng.

*Thứ ba, tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài cho phát triển kinh tế*

Trong bối cảnh thị trường bất động sản đóng băng và nợ xấu của hệ thống tín dụng cao như hiện nay, việc thu hút FDI là vấn đề trở nên hết sức cần thiết. Tuy nhiên, để thu hút được đầu tư nước ngoài thì Việt Nam cần phải cải thiện môi trường kinh doanh ổn định và hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài. Trong nhiều năm qua, một trong những nguyên nhân chính khiến môi trường kinh doanh của Việt Nam ngày càng xấu đi là do tệ nạn tham nhũng. Tham nhũng không chỉ trong lĩnh vực kinh tế, mà còn có ở các lĩnh vực khác như: giáo dục, y tế, thực hiện chính sách xã hội, thậm chí xuất hiện cả trong các cơ quan công quyền, cơ quan bảo vệ pháp luật... Theo Tổ chức Minh bạch quốc tế, Việt Nam là một quốc gia có tình trạng tham nhũng nghiêm trọng nhất thế giới, xếp thứ hạng 123/174 vào năm 2012.

*Thứ tư, cắt giảm chi tiêu ngân sách và giảm các loại thuế phí nhằm hỗ trợ sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp*

Để đảm bảo cân đối ngân sách nhà nước khả thi, Chính phủ cần chỉ đạo các Bộ, ngành trung ương, địa phương rà soát, loại bỏ các chính sách, chế độ chi không hợp lý, hạn chế việc ứng vốn các dự án đầu tư do khó khăn về cân đối ngân sách và huy động vốn; đảm bảo cân đối ngân sách các cấp, chia sẻ khó khăn giữa ngân sách trung ương và các địa phương. Hiện nay, bội chi ngân sách của Việt Nam xấp xỉ 5% GDP, do vậy cần cắt giảm chi tiêu ngân sách, nhất là khoản chi thường xuyên (chiếm tới 20% GDP và gấp hơn 3 lần chi đầu tư phát triển). Bên cạnh đó, cần mở rộng đối tượng chịu thuế; tăng thuế suất thuế nhập khẩu đối với các mặt hàng không khuyến khích nhập khẩu và các mặt hàng có khả năng sản xuất trong nước; tăng thuế suất thuế xuất khẩu đối với các sản phẩm từ khai thác tài nguyên.

Tiếp tục triển khai quyết liệt và có hiệu quả các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp về sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, xử lý nợ xấu. Thời gian gần đây, Việt Nam mới giảm thuế suất thu nhập doanh nghiệp (TNDN) xuống còn 22%, tuy nhiên đây vẫn là mức thuế cao. Việt Nam cần có lộ trình cắt giảm mạnh hơn nữa thuế TNDN xuống dưới 20% vào năm 2015. Trước hết là thực hiện chính sách gia hạn thời

gian nộp thuế TNDN, giá trị gia tăng (VAT), giãn, khoan nợ cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến nông, lâm, thủy sản, dệt may, da giày... mà có nhiều người lao động.

*Thứ năm, xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch và tăng cường trách nhiệm giải trình*

Hiện nay, nền hành chính ở Việt Nam vẫn đang là rào cản lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Để khắc phục vấn đề này, cần công khai các khoản chi tiêu công và minh bạch các tiêu chí phân bổ vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước để giảm cơ chế xin - cho; phát huy vai trò giám sát của Quốc hội và người dân. Đồng thời, các cơ quan nhà nước phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm giải trình về việc sử dụng các nguồn lực công để hoạt động và thực hiện các chức năng của mình; có cơ chế gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan nếu sử dụng nguồn lực không hiệu quả, không đúng mục đích. Nếu thực hiện tốt, giải pháp này sẽ làm cho những người hoạch định chính sách, người sử dụng nguồn lực công có trách nhiệm hơn với quyết định của mình.

---

### **Tài liệu tham khảo**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Chính phủ Việt Nam (2011), *Báo cáo*

*tình hình kinh tế - xã hội năm 2011, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2012 và 5 năm 2011 - 2015*, tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIII, ngày 20 tháng 10 năm 2011.

3. Chính phủ Việt Nam (2012), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2012 và nhiệm vụ năm 2013*, tại phiên khai mạc Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XIII, ngày 22 tháng 10 năm 2012.

4. GS. TS. Trần Thọ Đạt (2013), “Báo cáo đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2015”, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế *Nhìn lại nửa chặng đường phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 và những điều chỉnh chiến lược*, Hà Nội.

5. PGS. TS. Tô Đức Hạnh (2013), “Thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong kế hoạch 5 năm 2011 - 2015”, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế *Nhìn lại nửa chặng đường phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2011 - 2015 và những điều chỉnh chiến lược*, Hà Nội.

6. Nguyễn Thị Mùi (2012), “Thực trạng nợ xấu tại các Ngân hàng Việt Nam và giải pháp tháo gỡ”, Tạp chí *Tài chính*, số 11.

7. Nguyễn Kế Tuấn (chủ biên) (2013), *Kinh tế Việt Nam năm 2012: ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tái cơ cấu kinh tế*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

8. PGS. TS. Nguyễn Sinh Cúc (2014), “Tổng quan kinh tế Việt Nam năm 2013 và dự báo năm 2014”, Tạp chí *Cộng sản*, số 855.

9. PGS. TS. Kim Ngọc (2014), “Kinh tế thế giới năm 2013: Phục hồi chưa vững chắc, tiềm ẩn nhiều rủi ro”, Tạp chí *Cộng sản*, số 855.

